TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 13

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số «bốn trăm hai mươi sáu» viết là:

A. 624 **B.** 426 **C.** 462 **D.** 4026

Câu 2. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức (80 − 8) : 8 là:

A. 16 **B.** 5 **C.** 79 **D.** 9

Câu 3. *(0,5 điểm)* Phép chia 29 : 4 có số dư là:

A. 7 **B.** 1 **C.** 3 **D.** 2

Câu 4. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 32 × 2 là:

A. 64 **B.** 54 **C.** 84 **D.** 74

Câu 5. *(0,5 điểm)* Số lớn là 36, số bé là 6. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 6 lần **B.** 7 lần **C.** 42 lần **D.** 30 lần

Câu 6. *(0,5 điểm)* Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?

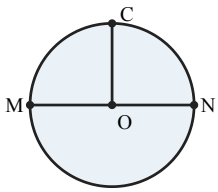


A. 1/6 **B.** 1/3 **C.** 1/2 **D.** 1/8

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 7 cm 4 mm = …… mm

A. 47 **B.** 11 **C.** 704 **D.** 74

Câu 8. *(0,5 điểm)* Trong hình bên, đường kính MN dài 6 dm. Bán kính OC dài:



A. 3 dm **B.** 6 dm **C.** 4 dm **D.** 12 dm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) …… × 5 = 20

b) …… : 3 = 27

c) …… − 186 = 301

d) 63 : …… = 9

Câu 10. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 149 + 431 = ……

b) 609 − 418 = ……

c) 322 × 2 = ……

d) 104 : 4 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 6 trăm, 4 chục, 5 đơn vị viết là: ……

b) Số lớn nhất trong các số 754, 772, 476, 356, 396 là: ……

c) Số bé nhất trong các số trên là: ……

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/5 của 30 giờ là …… giờ

b) 1/9 của 63 cm là …… cm

c) 1/8 của 24 phút là …… phút

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 8 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 16 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 36 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Câu 14. *(1 điểm)* Một sợi dây dài 20 m được cắt thành 2 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu mét?

a) Trả lời: Mỗi đoạn dài …… m

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 13

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	B	A	A	D	D	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 20 : 5 = 4

b) 27 × 3 = 81

c) 301 + 186 = 487

d) 63 : 9 = 7

Câu 10.

a) 149 + 431 = 580

b) 609 − 418 = 191

c) 322 × 2 = 644

d) 104 : 4 = 26

Câu 11.

a) 645

b) Số lớn nhất là 772

c) Số bé nhất là 356

d) 772 + 1 = 773

Câu 12.

a) 30 : 5 = 6 (giờ)

b) 63 : 9 = 7 (cm)

c) 24 : 8 = 3 (phút)

Câu 13.

a) 8 × 2 = 16 (cm)

b) 16 : 2 = 8 (dm)

c) 36 : 2 = 18 (mm)

Câu 14.

20 : 2 = 10 (m)